

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25-9-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Phú H; nơi cư trú: Thôn G, xã HH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Bà Phạm Bích Nh; nơi cư trú: Thôn G, xã HH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Phạm Phú H trình bày:

Ông và bà Phạm Bích Nh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HH, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày

28 tháng 4 năm 1988. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 32 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, lối sống, không tìm được tiếng nói chung. Mặt khác, do bà Nh ghen tuông vô cớ, nghi ngờ ông có tình cảm với người phụ nữ khác nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Từ tháng 4/2020 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi nghĩa vụ quan hệ vợ chồng. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Bích Nh.

Về con chung: Ông và bà Nh có 02 con chung là Phạm Văn C, sinh ngày 02/8/1990 và Phạm Thu H, sinh ngày 02/10/1992. Hiện cả 02 con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và phiên hoà giải, bị đơn là bà Phạm Bích Nh trình bày:

Bà xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như nội dung ông H trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Do ông H chơi bời, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và chửi bới xúc phạm bà. Từ tháng 4 năm 2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nhà, không quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, bà không đồng ý ly hôn với ông H vì cả hai vợ chồng đều đã có tuổi.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung như ông H trình bày là đúng. Hiện cả 02 con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về Ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho ông Phạm Phú H được ly hôn bà Phạm

Bích Nh; về con chung: Các con chung của ông H và bà Nh đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Ông H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Ông Phạm Phú H có đơn xin ly hôn với bà Phạm Bích Nh có nơi cư trú tại xã Hiệp Hoà, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo; Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần 2 bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Phú H và bà Phạm Bích Nh kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hoà, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng từ ngày 28/4/1988. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông H và bà Nh đều xác nhận vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 32 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý, không tin tưởng nhau trong quan hệ hôn nhân nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H xin ly hôn, bà Nh không đồng ý ly hôn, bà Nh cho rằng ông H có quan hệ hôn nhân với người phụ nữ khác nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh ông H có quan hệ hôn nhân với người phụ nữ khác. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành, qua xác minh tại địa phương xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà Nh như nội dung ông H, bà Nh trình bày là đúng từ đó xác

định được mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà Nh đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Phú H xin ly hôn với bà Phạm Bích Nh.

[4] Về con chung: Ông H và bà Nh đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Phạm Văn C, sinh ngày 02/8/1990 và Phạm Thu H, sinh ngày 02/10/1992; cả 02 con chung của ông H và bà Nh đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà Nh không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[6] Về án phí: Ông H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Phạm Phú H được ly hôn bà Phạm Bích Nh.

2. Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Ông H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0009359 ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Ông H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã Hiệp Hoà, huyện Vĩnh Bảo;
- Đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Vịnh